VGP CHINHPHU.VN
Người ký: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 18.08.2022 16:20:25 +07:00
Số: 473/SGD&ĐT
Thời gian ký: 26/02/2024 14:50:09 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông

Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Quyết định số 23/2000/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông,[1]

---

[1] Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông".

Điều 2.[2] Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Trung học phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 07/VBHN-BGDĐT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Độ

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

[2] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022 quy định như sau:

"*Điều 3. Hiệu lực thi hành*

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

QUY ĐỊNH
Chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông

(Ban hành kèm theo Quyết định về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quy định này quy định việc chuyển trường, xin học lại của học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông; tiếp nhận học sinh Việt Nam học tại các trường trung học ở nước ngoài có nguyện vọng vào học các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông ở Việt Nam; tiếp nhận học sinh người nước ngoài có nguyện vọng vào học các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông ở Việt Nam.

2. Việc tiếp nhận học sinh người nước ngoài ở các trường quốc tế tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Chuyển trường.

1. Trừ các quy định tại khoản 2 và 3 Điều này, học sinh được xét và giải quyết chuyển trường nếu đảm bảo đủ các điều kiện về đối tượng và hồ sơ thủ tục tại các Điều 4 và 5 của Quy định này.

2. Việc chuyển trường từ trường trung học bình thường sang trường trung học chuyên biệt (phổ thông dân tộc nội trú, trường chuyên, trường năng khiếu) thực hiện theo quy chế riêng của trường chuyên biệt đó.

3. Việc chuyển trường từ trường trung học phổ thông tư thục[3] sang trường trung học phổ thông công lập chỉ được xem xét, giải quyết trong hai trường hợp sau:

---

[3] Cụm từ "ngoài công lập" được thay thế bởi cụm từ "tư thục" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

a) Trường hợp học sinh đang học tại trường trung học phổ thông tư thục[4] phải chuyển nơi cư trú theo cha mẹ hoặc người giám hộ đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà ở đó không có trường trung học phổ thông tư thục[5] thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đến xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể đối với việc chuyển vào học trường trung học phổ thông công lập.

b) Trường hợp học sinh đang học tại trường trung học phổ thông tư thục[6] thuộc loại trường có thi tuyển đầu vào phải chuyển nơi cư trú theo cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ, mà ở đó không có trường trung học phổ thông tư thục[7] có chất lượng tương đương thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đến xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể đối với việc chuyển vào học trường trung học phổ thông công lập.

Điều 3. Tiếp nhận học sinh Việt Nam đang học ở nước ngoài, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.

Học sinh Việt Nam đang học ở nước ngoài, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục học tập tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông của Việt Nam trên cơ sở đảm bảo đủ các điều kiện về đối tượng và hồ sơ thủ tục quy định tại Chương III và Chương IV của Quy định này.

---

[4] Cụm từ "ngoài công lập" được thay thế bởi cụm từ "tư thục" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[5] Cụm từ "ngoài công lập" được thay thế bởi cụm từ "tư thục" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[6] Cụm từ "ngoài công lập" được thay thế bởi cụm từ "tư thục" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[7] Cụm từ "ngoài công lập" được thay thế bởi cụm từ "tư thục" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Chương II
ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC CHUYỂN TRƯỜNG VÀ XIN HỌC LẠI

Điều 4. Đối tượng chuyển trường và xin học lại.

1. Chuyển trường:

a) Học sinh chuyển nơi cư trú theo cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ.

b) Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về gia đình hoặc có lý do thực sự chính đáng để phải chuyển trường.

2. Xin học lại:

Học sinh xin học lại sau thời gian nghỉ nhưng còn trong độ tuổi quy định của từng cấp học.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục chuyển trường.

1. Hồ sơ chuyển trường gồm:

a) Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký.

b) Học bạ (bản chính).

c)[8] ***(được bãi bỏ)***

d)[9] ***(được bãi bỏ)***

đ) Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp trung học phổ thông quy định cụ thể loại hình trường được tuyển (công lập hoặc tư thục[10]).

---

[8] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[9] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[10] Cụm từ "ngoài công lập" được thay thế bởi cụm từ "tư thục" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

e) Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp.

f) Giấy giới thiệu chuyển trường do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở); Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).

g) [11] ***(được bãi bỏ)***

h) [12] ***(được bãi bỏ)***

i) [13] ***(được bãi bỏ)***

2. Thủ tục chuyển trường:

a) Đối với học sinh trung học cơ sở:

- Chuyển trường trong cùng tỉnh, thành phố: Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và xem xét, giải quyết theo quy định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác: Phòng Giáo dục và Đào tạo nơi đến tiếp nhận và giới thiệu về trường theo nơi cư trú, kèm theo hồ sơ đã được kiểm tra.

b) Đối với học sinh trung học phổ thông:

- Chuyển trường trong cùng tỉnh, thành phố: Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và xem xét, giải quyết theo quy định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

---

[11] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[12] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[13] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

- Chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác: Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đến tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giới thiệu về trường.

3. Việc chuyển trường được thực hiện khi kết thúc học kỳ I của năm học hoặc trong thời gian hè trước khi khai giảng năm học mới. Trường hợp ngoại lệ về thời gian do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) nơi đến xem xét, quyết định.

Điều 6. Hồ sơ, thủ tục xin học lại.

1. Hồ sơ xin học lại.

a) Đơn xin học lại do học sinh ký.

b) Học bạ của lớp hoặc cấp học đã học (bản chính).

c) Bằng tốt nghiệp của cấp học dưới (bản công chứng).

d) Giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Thủ tục xin học lại.

a) Trường hợp xin học lại tại trường cũ:

Hiệu trưởng nhà trường cho phép nhập học sau khi đã kiểm tra hồ sơ.

b) Trường hợp xin học lại tại trường khác:

Hồ sơ bổ sung và thủ tục thực hiện như đối với học sinh chuyển trường.

c) Trường hợp xin học lại vào lớp đầu cấp trung học phổ thông:

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển của học sinh trước khi nghỉ học.

3. Việc xin học lại được thực hiện trong thời gian hè trước khi khai giảng năm học mới.

Chương III
ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC TIẾP NHẬN HỌC SINH VIỆT NAM VỀ NƯỚC

Điều 7. Đối tượng học sinh Việt Nam về nước.

1. Học sinh học ở nước ngoài diện được cấp học bổng theo các hiệp định, thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế.

2. Học sinh học ở nước ngoài theo diện du học tự túc hoặc theo hợp đồng đào tạo giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Học sinh theo cha, mẹ hoặc người giám hộ làm việc ở nước ngoài, học sinh Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Điều 8. Điều kiện văn bằng.

1.[14] Trung học cơ sở.

Học sinh vào học tại trường trung học cơ sở phải có học bạ hoặc giấy xác nhận kết quả học tập các lớp học trước đó, cùng với xác nhận của nhà trường về việc được chuyển lên lớp học trên.

2. Trung học phổ thông.

Học sinh vào học tại trường trung học phổ thông phải có văn bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở tương đương bằng tốt nghiệp trung học cơ sở của Việt Nam.

3. Học sinh đã học ở Việt Nam, sau thời gian học ở nước ngoài, khi về nước phải có bằng tốt nghiệp bậc học đã học ở Việt Nam.

Điều 9. Điều kiện về tuổi và chương trình học tập.

1.[15] Học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước năm xin học được gia hạn thêm 03 tuổi so với tuổi quy định của từng cấp học.

---

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

2. Chương trình học tập:

a) Chương trình học tập ở nước ngoài phải có nội dung tương đương với chương trình giáo dục của Việt Nam với những môn học thuộc nhóm khoa học tự nhiên. Với những môn học thuộc nhóm khoa học xã hội và nhân văn, học sinh phải bổ túc thêm kiến thức cho phù hợp với chương trình giáo dục của Việt Nam.

b) Những học sinh đang học dở chương trình của một lớp học ở nước ngoài xin chuyển về học tiếp lớp học tương đương tại trường trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông Việt Nam phải được nhà trường nơi tiếp nhận kiểm tra trình độ theo chương trình quy định của lớp học đó.

c) Học sinh muốn vào học trường trung học chuyên biệt (phổ thông dân tộc nội trú, trường chuyên, trường năng khiếu) thực hiện theo quy chế của trường chuyên biệt đó.

Điều 10. Hồ sơ học sinh.

1. Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký.

2. Hồ sơ học tập gồm:

a)[16] Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực).

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt).

c) Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài (nếu có).

d) Bản sao giấy khai sinh, kể cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài.

đ)[17] ***(được bãi bỏ)***

---

[16] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[17] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 11. Thủ tục tiếp nhận.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giới thiệu về trường.

2. Đối với các học sinh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Quy định này thì nhà trường tổ chức kiểm tra trình độ học sinh. Với những môn học không có theo chương trình giáo dục của Việt Nam, yêu cầu học sinh phải hoàn thành nội dung của môn học đó và có kiểm tra sau khóa học.

Chương IV
ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC TIẾP NHẬN HỌC SINH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Đối tượng học sinh người nước ngoài.

Học sinh người nước ngoài được xem xét, tiếp nhận vào học tại trường trung học Việt Nam gồm:

1. Học sinh diện được cấp học bổng theo các hiệp định, thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế.

2. Học sinh diện tự túc theo hợp đồng đào tạo giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Học sinh theo cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ sang sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

Điều 13. Điều kiện văn bằng.

Học sinh người nước ngoài có nguyện vọng vào học tại các trường trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp tương đương bằng tốt nghiệp của Việt Nam được quy định tại Luật Giáo dục Việt Nam đối với từng bậc học, cấp học.

Điều 14. Điều kiện sức khỏe và tuổi.

1. Điều kiện sức khỏe:

a) Học sinh phải được kiểm tra sức khỏe khi nhập học.

b) Trường hợp mắc các bệnh xã hội, bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Bộ Y tế Việt Nam thì được trả ngay về nước.

c) Khi mắc các bệnh thông thường phải điều trị trong vòng 03 tháng, nếu không đủ sức khỏe cũng được trả về nước.

2.[18] Điều kiện tuổi

Học sinh người nước ngoài trong năm xin học tại Việt Nam được gia hạn thêm 03 tuổi so với tuổi quy định của từng cấp học.

Điều 15. Hồ sơ học sinh.

Học sinh phải có đầy đủ hồ sơ bằng tiếng Việt, gồm:

1. Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký.

2. Bản tóm tắt lý lịch.

3. Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quy định này (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo).

4.[19] Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực).

5. Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng).

6. Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

Điều 16. Thủ tục tiếp nhận.

1. Đối với học sinh được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này:

Thực hiện theo Hiệp định đã được ký kết.

---

[18] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

2. Đối với học sinh được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 12 của Quy định này: Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giới thiệu về trường.

Điều 17. Chế độ tài chính.

Tiêu chuẩn, chế độ đảm bảo sinh hoạt, học tập, các chế độ bảo hiểm, khám chữa bệnh, tiền vé máy bay lượt đến Việt Nam và lượt về nước (kể cả các trường hợp về nước trước thời hạn với mọi lý do) và các khoản tài chính khác liên quan đến học sinh được giải quyết theo hiệp định, thỏa thuận hoặc hợp đồng đào tạo đã ký kết hoặc do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ học sinh trang trải tương ứng với từng đối tượng học sinh người nước ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Quy định này.

Điều 18. Thời hạn đào tạo.

Thời hạn đào tạo đối với học sinh người nước ngoài vào học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở Việt Nam được thực hiện như đối với công dân Việt Nam theo quy định của Luật Giáo dục.

Điều 19. Ngôn ngữ học tập.

1. Trong thời gian học tập tại trường trung học Việt Nam, học sinh người nước ngoài học các môn học bằng tiếng Việt như đối với học sinh Việt Nam.

2. Học sinh chưa biết tiếng Việt sẽ phải học qua chương trình đào tạo tiếng Việt dự bị, khi học hết chương trình phải được kiểm tra trình độ tiếng Việt trước khi vào học chính khóa. Thời gian học dự bị được quy định căn cứ theo yêu cầu trình độ tiếng Việt của từng bậc học và đối tượng học sinh, nhưng không quá 01 năm học.

3. Học sinh người nước ngoài được phép lựa chọn học môn ngoại ngữ có trong chương trình học và không trùng với ngôn ngữ đang sử dụng.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền của học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.

1. Tuân thủ pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán Việt Nam.

2. Thực hiện Điều lệ trường trung học, các nội quy về học tập và sinh hoạt.

3. Được hưởng quyền như học sinh Việt Nam theo quy định của Điều lệ trường trung học.

4. Được khen thưởng, bị xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ trường trung học và pháp luật Việt Nam.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 21. Trách nhiệm thực hiện.

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào yêu cầu và điều kiện cụ thể của giáo dục địa phương, xem xét, ban hành những hướng dẫn và quy định bổ sung cần thiết để tổ chức thực hiện tốt việc chuyển trường, thông báo rộng rãi đến nhà trường và phụ huynh học sinh, nhằm bảo đảm quyền học tập chính đáng của học sinh, đồng thời ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh.

2. Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các quy định về đối tượng, hồ sơ, thủ tục trong việc chuyển trường cho học sinh, tiếp nhận học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.

b) Không cưỡng ép hoặc gợi ý học sinh trường mình chuyển sang trường khác dưới bất kỳ lý do nào.

c) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học phổ thông), Phòng Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học cơ sở) trong việc chuyển trường cho học sinh, tiếp nhận học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng